

BÀI HỌC QUỐC TẾ TRONG QUẢN TRỊ RỦI RO HỆ THỐNG NGÂN HÀNG THEO HIỆP ƯỚC BASEL

● NGUYỄN THỊ NGUYỆT MINH

TÓM TẮT:

Hiện nay, có rất nhiều quốc gia trên thế giới đã áp dụng chuẩn Basel II vào việc xây dựng lộ trình tạo sự vững chắc cho hệ thống ngân hàng của nước mình. Tại Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước chọn 10 ngân hàng thí điểm triển khai Basel II và yêu cầu tất cả các ngân hàng tại Việt Nam phải tuân thủ các quy định này vào năm 2020. Do đó, bài viết sẽ trình bày về những kinh nghiệm mà Việt Nam thu được từ quốc tế trong vận dụng Basel II vào quản trị rủi ro tại các ngân hàng. Bài viết có kết cấu 4 phần: Phần 1 nêu sự cần thiết áp dụng Basel II trong quản trị rủi ro ngân hàng; Phần 2 đề cập đến nội dung Basel II; Phần 3 đưa ra những kinh nghiệm quốc tế trong quá trình vận dụng Basel II và phần 4 là bài học Việt Nam thu được từ kinh nghiệm nêu trên.

Từ khóa: Basel, ngân hàng thương mại, quản trị rủi ro, an toàn vốn.

1. Sự cần thiết áp dụng Basel II trong quản trị rủi ro hệ thống ngân hàng

Basel II là Hiệp ước về tiêu chuẩn vốn và đo lường vốn, được ban hành bởi Ủy ban giám sát các ngân hàng Basel. Do vậy, Basel II chú trọng vào việc yêu cầu các ngân hàng phải đáp ứng yêu cầu tối thiểu về vốn và áp dụng các biện pháp quản lý rủi ro tương ứng. Để đáp ứng được các yêu cầu của Hiệp ước Basel II với các tiêu chuẩn quốc tế về an toàn vốn và thanh khoản, các ngân hàng sẽ hoạch định lại hoạt động kinh doanh và các chiến lược kinh doanh một cách tích cực hơn. Trong khuôn khổ Basel, các công cụ và phương pháp quản lý rủi ro tiên tiến được triển khai đảm bảo cho những ngân hàng có hệ thống quản trị rủi ro tốt giảm thiểu chi phí, tập trung phát triển các mảng nghiệp vụ kinh doanh mới và hiệu quả hơn trong các quyết định phân bổ nguồn vốn kinh doanh.

Triển khai Basel giúp các ngân hàng hoạt động an toàn hơn, lành mạnh hơn do trình độ quản trị rủi ro được tăng cường, các biện pháp quản trị rủi ro, đặc biệt là mô hình rủi ro và xếp hạng nội bộ được chủ động áp dụng, đồng thời, nguồn vốn được quản lý một cách hiệu quả hơn. Trong lĩnh vực tín dụng, các NHTM sẽ phải chuyển hướng tập trung vào đánh giá mức độ tín nhiệm của khách hàng, thay vì dựa chủ yếu vào tài sản bảo đảm. Hơn nữa, sau khi áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế về an toàn vốn và thanh khoản, hệ thống ngân hàng Việt Nam sẽ thu hút nhiều nhà đầu tư nước ngoài hơn do ngân hàng hoạt động kinh doanh trong môi trường đạt tiêu chuẩn quốc tế.

Ngoài ra, sau khi triển khai Basel với các chỉ số vốn và các yêu cầu về thanh khoản, quản trị rủi ro đạt chuẩn quốc tế, các ngân hàng Việt Nam

sẽ có cơ hội vươn xa ra thị trường các nước phát triển. Lúc đó, khi mở cửa thị trường tài chính theo cam kết trong các Hiệp định tự do thương mại (FTA), các ngân hàng Việt Nam không chỉ thu hút thêm nhà đầu tư nước ngoài mà chính các ngân hàng sẽ tự mình thâm nhập các thị trường phát triển và thu hút vốn tại các thị trường rộng lớn này.

2. Nội dung Basel II

Basel II được trình bày theo 3 trụ cột:

- *Trụ cột 1: Yêu cầu vốn tối thiểu*

Basel II quy định tỷ lệ an toàn vốn (CAR) $\geq 8\%$. Điểm khác biệt của Basel II với Basel I là các rủi ro được đề cập ở đây bao gồm: Rủi ro tín dụng (RRTD), Rủi ro hoạt động (RRHD) và Rủi ro thị trường (RRTT). Trọng số rủi ro của Basel II chia 5 mức tương ứng với 5 nhóm nợ: 0%, 20%, 50%, 100% và 150%. Việc xác định trọng số tùy thuộc vào xếp hạng tín nhiệm của chủ nợ đối với từng món nợ. Basel II đề xuất các phương pháp tiếp cận khác nhau để đo lường và xác định trọng số rủi ro đối với RRTD, RRHD và RRTT.

- *Trụ cột 2: Quy trình kiểm tra, giám sát ngân hàng*

Basel II đề xuất 3 nguyên tắc trong kiểm tra, giám sát ngân hàng nhằm đảm bảo:

+ NHTM phải luôn đảm bảo duy trì mức độ an toàn vốn;

+ Thiết lập và thực thi các chế tài cần thiết để đảm bảo các NHTM luôn duy trì mức độ đủ vốn;

+ Cơ quan giám sát ngân hàng phải thực hiện các chức năng giám sát để quản lý mức độ đủ vốn của các NHTM và đảm bảo các NHTM luôn duy trì mức vốn không dưới mức tối thiểu theo qui định.

Ngoài ra trụ cột 2 cũng đề cập đến các vấn đề cụ thể phải được quan tâm trong quá trình kiểm tra, giám sát ngân hàng: xác định các rủi ro chưa được đề cập trong trụ cột 1, tính minh bạch giám sát, thông tin liên lạc và sự hợp tác tăng cường qua biên giới.

- *Trụ cột 3: Nguyên tắc thị trường*

Trụ cột thứ ba nhấn mạnh các ngân hàng phải công khai thông tin theo nguyên tắc thị trường. Basel II đề xuất một danh mục thông tin định tính và định lượng cần công khai bao gồm: thông tin về cơ cấu vốn, mức độ đủ vốn, mức độ rủi ro, hệ

thống nội bộ đo lường, đánh giá, xử lý rủi ro đối với từng loại rủi ro của ngân hàng. Trụ cột 3 bổ sung và hoàn thiện các yêu cầu của trụ cột 1 và 2. Trên cơ sở các yêu cầu của trụ cột 3, tính minh bạch theo nguyên tắc thị trường được tuân thủ, cho phép các chủ thể tham gia thị trường có thể giám sát, đánh giá rủi ro trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng.

Với những cải tiến cơ bản về nội dung, cách tính hệ số an toàn vốn (hoàn thiện cách xác định trọng số rủi ro, bổ sung rủi ro hoạt động và làm rõ hơn rủi ro thị trường, đề xuất nhiều phương pháp đo lường rủi ro), thừa nhận các kỹ thuật giảm thiểu rủi ro, đề xuất các yêu cầu và xác định rõ vai trò hoạt động kiểm tra, giám sát ngân hàng cũng như kỷ luật thị trường, Basel II đã trở thành một bộ chuẩn mực trong quản trị rủi ro của NHTM.

3. Kinh nghiệm quốc tế trong quản trị rủi ro hệ thống ngân hàng theo Basel II

3.3. Kinh nghiệm của Hàn Quốc

Trong quá trình áp dụng Basel II, Hàn Quốc có các sửa đổi cho phù hợp với các chính sách, luật hiện hành.

+ CAR tối thiểu ở mức 8%

+ Phương pháp tính RRTD: Phương pháp SA và phương pháp IRB.

+ Phương pháp tính toán RRHD: Phương pháp BI, phương pháp SA, phương pháp AMA (các hướng dẫn và kế hoạch áp dụng vẫn đang được dự thảo bởi Cơ quan thanh tra giám sát ngân hàng - FSS).

Thực tiễn sử dụng hiệp ước Basel II tại Hàn Quốc trong quản trị rủi ro cho ngân hàng được thể hiện thông qua:

Thứ nhất, sử dụng mô hình hợp nhất hệ thống giám sát tài chính nhằm phát huy tối đa năng lực giám sát ngân hàng. Đây là mô hình cho phép Hàn Quốc có thể theo đuổi việc áp dụng toàn diện các nguyên tắc giám sát của Basel trong việc duy trì sự ổn định hệ thống và tính bền vững của sự phát triển đối với hệ thống ngân hàng. Hơn thế, mô hình hợp nhất cho phép hệ thống giám sát tài chính có thể phản ứng nhanh trước các cú sốc của khủng hoảng tài chính. Việc hình thành hệ thống giám sát hợp nhất cho phép tập trung vào những vấn đề của rủi ro hệ thống và

tránh cho hệ thống tài chính rơi vào các đợt đổ vỡ vào đợt khủng hoảng 1997 và sau đó 2003 (đợt đổ vỡ khả năng thanh toán thẻ tín dụng do dư nợ tín dụng tiêu dùng tăng quá nhanh). Bên cạnh đó, cơ chế hợp nhất cho phép giải quyết triệt để yêu cầu chia sẻ và phối hợp thông tin giữa các cơ quan giám sát chuyên ngành trước đây. Mô hình giám sát hợp nhất đã chứng minh tính hiệu quả tại Hàn Quốc trong suốt giai đoạn từ năm 2004 đến nay. Là công ty tư nhân, FSS có khả năng duy trì sự độc lập của mình mà không bị chi phối bởi các áp lực chính trị trong khi triển khai hoạt động giám sát cũng như đưa ra các hình thức xử lý các trường hợp vi phạm.

Thứ hai, Hàn Quốc dựa trên căn cứ là Basel đưa ra thêm nhiều quy định liên quan đến an toàn hệ thống ngân hàng.

+ Tiêu chuẩn về vốn: Ủy ban giám sát tài chính Hàn Quốc (FSC) đưa ra các tiêu chuẩn về vốn điều chỉnh theo hệ số rủi ro (trên cơ sở tỷ lệ an toàn vốn của Ủy ban Basel) như một thước đo nữa về đảm bảo mức an toàn vốn. Trên thực tế, các yêu cầu về an toàn vốn tối thiểu đánh giá trên cơ sở rủi ro căn bản về tín dụng được chính thức áp dụng từ cuối năm 1995. Các yêu cầu về an toàn vốn dựa trên cơ sở đánh giá rủi ro thị trường được bổ sung thêm vào quy định về tỷ lệ an toàn vốn của Basel. Hiện nay, tất cả các ngân hàng trong nước phải duy trì tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu là 8% dựa trên cơ sở kết hợp đánh giá các tiêu chí về RRTD và rủi ro thị trường. Các ngân hàng có tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu đạt dưới 8% thì FSC sẽ thực hiện các biện pháp chỉnh sửa ngay.

FSC liên tục thực hiện việc bổ sung để nâng cao tính hiệu lực và phù hợp đối với quốc gia và tăng cường độ tin cậy quốc tế đối với các quy định về an toàn vốn. Kết quả là, các tiêu chí về an toàn vốn của Hàn Quốc đã hoàn toàn nhất quán với các tiêu chí quốc tế do ủy ban Basel quy định.

Thứ ba, Hàn Quốc đã thực hiện quy định hiệu quả về công khai tài chính. Basel II đưa ra một danh sách các yêu cầu buộc các ngân hàng phải công khai thông tin, từ những thông tin về cơ cấu vốn, mức độ đầy đủ vốn đến những thông tin liên quan đến mức độ nhạy cảm của ngân hàng với rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro vận hành

và quy trình đánh giá của ngân hàng đối với từng loại rủi ro này.

Trên cơ sở đó, Luật Ngân hàng yêu cầu các ngân hàng công bố công khai bằng tổng kết tài sản của mình, bằng báo cáo thu nhập trong năm tài chính và báo cáo tài chính tổng hợp theo mẫu của FSC. FSC cũng đưa ra yêu cầu bắt buộc về công bố công khai các thông tin về hoạt động quản lý để đảm bảo rằng những người gửi tiền, cổ đông và các thành viên của thị trường được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính của các ngân hàng. Các ngân hàng trong nước và chi nhánh ngân hàng nước ngoài đều phải công bố công khai tình hình hoạt động của mình theo định kỳ. Các thông tin cần công bố theo định kỳ thường liên quan đến tình hình tài chính của các ngân hàng trong năm gồm các thông tin về sự lành mạnh về tài chính, khả năng sinh lời, nguồn vốn và sử dụng vốn... Tất cả các ngân hàng phải công bố công khai bất kỳ một vấn đề nào đó phát sinh có ảnh hưởng đến độ lành mạnh về tài chính. Các thông tin đó bao gồm nợ xấu, sự cố về tài chính, các biện pháp về cải thiện năng lực quản lý... Các ngân hàng cũng phải công bố công khai thông tin chi tiết khi tỷ lệ về khả năng chi trả thấp dưới 100%, khi có một sự kiện nào đó có tác động làm thay đổi cơ cấu vốn của ngân hàng. Hiệp hội Ngân hàng Hàn Quốc đưa ra các hướng dẫn về các yêu cầu công bố thông tin theo định kỳ và thông tin khẩn cấp.

3.4. Kinh nghiệm của Trung Quốc

Kể từ năm 1994, Ngân hàng Trung ương Trung Quốc đã áp dụng yêu cầu về mức an toàn vốn tối thiểu đối với các NHTM, phù hợp với Hiệp ước quốc tế về đo lường vốn và các tiêu chuẩn vốn, được ban hành bởi Ủy ban Basel tháng 7/1988. Luật NHTM 1995 quy định hệ số CAR của NHTM không được thấp hơn 8%. Luật NHTM sửa đổi năm 2003 tiếp tục duy trì quy định này. Tháng 2/2004 căn cứ trên các quy định pháp lý liên quan và kinh nghiệm quốc tế về quản lý vốn, Ủy ban giám sát ngân hàng Trung Quốc (CBRC) đã ban hành Quy định “Quản lý mức đầy đủ vốn của các NHTM”. Quy định này đề ra phương pháp đo lường hệ số CAR dựa trên Hiệp ước vốn 1988, và áp dụng Trụ cột 2 và Trụ cột 3 trong Hiệp ước vốn Basel II.

Các ngân hàng ở Trung Quốc yêu cầu phải thiết lập hệ thống quản lý mức đầy đủ vốn và phải đáp ứng yêu cầu về mức an toàn vốn tối thiểu 8%. CBRC giám sát chặt chẽ và liên tục sự tuân thủ của các ngân hàng đối với các quy định này và hỗ trợ các ngân hàng cải thiện cơ chế tạo vốn. Đối với một ngân hàng cụ thể, CBRC có thể tăng yêu cầu về hệ số CAR lên mức cao hơn 8% nếu cần thiết dựa trên trạng thái rủi ro và hệ thống quản lý thực tế của ngân hàng. Bất kì ngân hàng nào không đáp ứng được yêu cầu về hệ số CAR tối thiểu đều bị áp dụng các hành động chỉnh sửa. Đến cuối năm 2006, phần lớn các ngân hàng của Trung Quốc đã tuân thủ yêu cầu này. CBRC đã ban hành căn cứ vào Basel II đưa ra những quy định phù hợp:

Một là, các ngân hàng với quy mô khác nhau sẽ có những yêu cầu về vốn khác nhau. Các NHTM ở Trung Quốc rất đa dạng về quy mô tài sản, sự phức tạp trong hoạt động kinh doanh, trình độ quản trị rủi ro cũng như mức độ quốc tế hóa. Do vậy, các ngân hàng khác nhau sẽ có những cách thức thực hiện Basel II khác nhau và không bắt buộc tất cả các ngân hàng phải thực hiện Basel II. Cụ thể, các ngân hàng có quy mô vừa và nhỏ sẽ áp dụng cơ chế quy định về vốn phù hợp với quy mô và mức độ phức tạp trong kinh doanh để giảm thiểu chi phí cho việc tuân thủ quy định về vốn. Tuy nhiên, đối với ngân hàng có quy mô lớn, việc áp dụng Basel II không những sẽ giúp tăng cường năng lực cạnh tranh mà còn phục vụ cho các mục tiêu phát triển dài hạn.

Hai là, việc áp dụng Basel II trong hệ thống ngân hàng Trung Quốc sẽ được thực hiện dần dần. Vì các NHTM lớn ở Trung Quốc không đồng nhất về sự phát triển của hệ thống xếp hạng nội bộ, mô hình đo lường rủi ro định lượng cũng như các quy trình tổ chức đối với quản trị rủi ro, nên CBRC nhận thức được rằng các ngân hàng này cũng sẽ khác nhau về thời hạn có thể đáp ứng được các yêu cầu cho việc thực hiện Basel II. Do vậy, CBRC không chỉ khuyến khích các ngân hàng hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro và áp dụng phương pháp đo lường vốn nhạy cảm với rủi ro mà còn cho phép các ngân hàng áp dụng Basel II với những khung thời gian khác nhau. Nguyên tắc này nhằm đảm bảo rằng các ngân hàng chuẩn

bị đẩy đủ các điều kiện để triển khai việc thực hiện, do vậy đảm bảo hiệu quả trong việc áp dụng Basel II.

Ba là, các ngân hàng được phép đáp ứng các yêu cầu của Basel II từng bước một. Basel II đưa ra rất nhiều điều kiện đối với các ngân hàng trong việc sử dụng phương pháp đo lường vốn nhạy cảm với rủi ro, bao gồm rất nhiều mặt như phân loại tài sản, đo lường rủi ro định lượng, quy trình chính sách và tổ chức bộ máy quản trị rủi ro... Các ngân hàng phải xây dựng hệ thống xếp hạng nội bộ dựa trên quy mô, cơ cấu, tiêu chuẩn và phương pháp theo quy định tại Basel II. Đồng thời, các ngân hàng phải xây dựng mô hình đo lường RRTD và rủi ro thị trường cho danh mục tài sản của chính mình. Các mô hình đo lường rủi ro đã được xây dựng phải được thử nghiệm để tăng cường năng lực dự báo và sự ổn định của mô hình.

Bốn là, xây dựng hệ thống thông tin quản lý (MIS), và đưa yêu cầu về phát triển kho dữ liệu và hệ thống công nghệ thông tin theo yêu cầu của Basel II vào chương trình lập kế hoạch công nghệ thông tin tổng thể để giảm chi phí.

Năm là, yêu cầu các ngân hàng hoàn thiện công tác lưu trữ văn bản, tài liệu. Basel II đề ra tiêu chuẩn cao đối với hệ thống quản trị rủi ro nội bộ liên quan tới hồ sơ, tài liệu; do vậy, các ngân hàng phải có các tài liệu để ghi nhận quy trình thiết kế và chi tiết hoạt động của hệ thống IRB và mô hình đo lường rủi ro cũng như trạng thái của các tiêu chuẩn tối thiểu được quan sát.

4. Bài học cho Việt Nam

Một là, tăng cường hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ trong quản trị rủi ro. Nâng cao trách nhiệm và vai trò kiểm tra, kiểm soát nội bộ là biện pháp để ngăn ngừa những rủi ro tiềm tàng có thể xảy ra. Thông qua hoạt động kiểm soát có thể phát hiện, ngăn ngừa và chấn chỉnh những sai sót trong quá trình thực hiện nghiệp vụ. Bên cạnh đó, cần chú trọng tăng cường hoạt động kiểm soát nhằm phát hiện, ngăn chặn những rủi ro đạo đức do cán bộ ngân hàng gây ra.

Hai là, tăng cường năng lực tài chính. Để gia tăng tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản, tăng quy mô vốn điều lệ, đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo chuẩn mực quốc tế, quy định của Ngân hàng Nhà nước và tiêu chuẩn của Basel II, các

NHTM Việt Nam cần xác định một tỷ lệ thích hợp lợi nhuận ròng được giữ lại hàng năm, để tăng vốn điều lệ và hình thành nên một ngân hàng có năng lực tài chính lớn hơn. Việc gia tăng tỷ lệ vốn chủ sở hữu cần có lộ trình và phương pháp phù hợp với tình hình cụ thể của từng ngân hàng, tránh gây áp lực trong việc duy trì suất sinh lời cho chủ đầu tư.

Các NHTM cần chú trọng đến việc mở rộng quy mô hoạt động, cải tiến công nghệ và nâng cao hiệu quả hoạt động của quy trình quản trị rủi ro giúp ngân hàng phát triển ổn định, bền vững, tận dụng lợi thế nhờ quy mô nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực. Để mở rộng quy mô, các NHTM cần xác định rõ hướng đi và bảo động kinh doanh chính để tập trung các nguồn lực hiện có phục vụ cho mục tiêu ưu tiên này.

Cần tránh phân bổ nguồn lực cho các hoạt động kinh doanh khác như bất động sản, bảo hiểm và cho thuê tài chính quá nhiều... từ đó có thể phân bổ lại các nguồn lực đầu vào như quy mô tài sản cố định, quy mô tổng tiền gửi khách hàng để sử dụng có hiệu quả nhất.

Bà là, xử lý các tổn động về tài chính. Để đáp ứng các yêu cầu Basel II, các NHTM Việt Nam cần đánh giá chính xác thực trạng nợ quá hạn và nợ xấu tại ngân hàng mình, xác định đúng bản chất để xử lý nợ xấu bằng việc chủ động thu hồi nợ, giảm dần nợ quá hạn và nợ xấu. Cần phân loại chi tiết nợ xấu theo các tiêu chí nợ xấu do tác động khách quan, do chủ quan; phân loại theo mức độ rủi ro; phân loại nợ xấu theo các lĩnh vực nợ xấu để có các biện pháp xử lý phù hợp theo từng tiêu chí. Xây dựng kế hoạch, có lộ trình chi tiết để triển khai đảm bảo thoả mãn đúng quy định, góp phần tạo môi trường lành mạnh cho hoạt động ngân

hàng, hạn chế rủi ro do sự chi phối qua sở hữu chéo, giúp ngân hàng hoạt động an toàn hơn.

Bốn là, cải tiến quy trình quản trị rủi ro. Quy trình quản trị phải được thực hiện đối với riêng từng rủi ro và đối với toàn bộ danh mục rủi ro. Trong quản trị rủi ro, các NHTM cần thực hiện quản trị rủi ro đối với từng khoản tín dụng và đối với toàn bộ danh mục tín dụng; Phải có hệ thống giám sát chất lượng của toàn bộ danh mục phù hợp với tính chất, quy mô và tính phức tạp của danh mục. Bên cạnh đó, để tăng cường quản trị rủi ro các ngân hàng cần phải hoàn thiện hệ thống giám sát ngân hàng theo hướng sau: Nâng cao chất lượng phân tích tình hình tài chính và phát triển hệ thống cảnh báo sớm những tiềm ẩn trong hoạt động của ngân hàng mình, gồm phân tích báo cáo tài chính và xác định các "điểm" nhạy cảm; Phát triển và thống nhất cách thức giám sát ngân hàng trên cơ sở lý luận và thực tiễn; Xây dựng cách tiếp cận tới công việc đánh giá chất lượng quản lý rủi ro trong nội bộ ngân hàng; Nâng cao kỹ thuật trong trích lập dự phòng rủi ro; Xây dựng hệ thống và các biện pháp kiểm soát luồng vốn quốc tế và nợ nước ngoài.

5. Kết luận

Theo đánh giá của các tổ chức Ngân hàng Thế giới (World Bank - WB), Quỹ tiền tệ quốc tế (International Monetary Fund - IMF) và cả những tổ chức đánh giá tín nhiệm lớn, có uy tín trên thế giới về ngành Ngân hàng Việt Nam như Fitch Ratings và Moody's thì công tác quản trị nói chung và quản trị rủi ro nói riêng của hầu hết các NHTM đang hoạt động tại Việt Nam là từ yếu đến rất yếu. Do đó, triển khai giải pháp vận dụng Basel II vào quản trị rủi ro hệ thống cho tất cả các ngân hàng là việc cần thiết ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. *Basel Committee on Banking Supervision (2006), "Basel II: Sự thống nhất quốc tế về đo lường và các tiêu chuẩn vốn - Cấu trúc khung sửa đổi phiên bản toàn diện năm 2006", (Biên dịch theo nội dung của ủy ban Basel về giám sát ngân hàng), NXB Văn hóa - Thông tin.*

2. Nguyễn Thị Loan (2010), "Nâng cao hiệu lực giám sát tăng vốn tại các NHTMCP Việt Nam". Kỷ yếu hội thảo khoa học Hiệu lực của Hệ thống giám sát tài chính Việt Nam, NXB Tài chính.

3. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2009), "Những vấn đề về tự do hóa các giao dịch vốn và sự ổn định khu vực tài chính Việt Nam: Định hướng và khuôn khổ chính sách đến năm 2020" Hội thảo khoa học cấp ngành.

Ngày nhận bài: 18/1/2019

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 28/1/2019

Ngày chấp nhận đăng bài: 8/2/2019

Thông tin tác giả:

ThS. NGUYỄN THỊ NGUYỆT MINH

Khoa Quản trị kinh doanh - Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp

INTERNATIONAL EXPERIENCE OF IMPLEMENTING BASEL STANDARDS INTO MANAGING RISKS OF THE BANKING SYSTEM

● **MA. NGUYEN THI NGUYET MINH**

Faculty of Business Management,

University of Economic and Technical Industries

ABSTRACT:

At present, many countries are applying Basel II standards into sustainably developing their banking systems. In Vietnam, the State bank of Vietnam pilots the Basel II standards at 10 banks and requires all Vietnamese banks to apply these standards in 2020. Therefore, this article is to present international experience of applying Basel II standards into managing risks that Vietnam can apply. This article has four parts. In detail, the Part I is to present the necessity of applying Basel II standards into managing risks at banks. The part II presents the content of Basel II standards. The part III introduces international experience of implementing Basel II standards and the part IV mainly focuses on presenting lessons that Vietnam can learn about implementing Basel II standards.

Keywords: Basel, commercial banks, risk management, capital safety.